THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm nhẹ hơn 3 điểm trong phiên giao dịch hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,280.75 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 11/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Tài nguyên cơ bản, Dịch vụ tài chính,… dẫn đầu đà giảm. Ở chiều ngược lại, ngành Hóa chất, Bất động sản có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Lực cầu bắt đáy xuất hiện khi VN-Index rơi khỏi ngưỡng 1,280. Trong những phiên tới, chỉ số cần có một cây nến chỉ hướng với thanh khoản ủng hộ để thoát khỏi vùng 1,280 – 1,300.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 12/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

• VN-Index -3.05 điểm, đóng cửa tại 1280.75 điểm. HNX-Index -0.37 điểm, đóng cửa tại 245.02 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: VIC (+0.48), HDB (+0.26), NAB (+0.24), HVN (+0.22), VHM (+0.22).
• Kéo chỉ số giảm: VCB (-0.68), FPT (-0.36), MSN (-0.35), TCB (-0.30), VPB (-0.29).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 13,733 tỷ đồng, giảm -16.78% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 15,221 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 11.51 điểm. Thị trường có 140 mã tăng, 76 mã tham chiếu, 298 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -762.05 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VHM (-304.07 tỷ), MWG (-124.11 tỷ), MSN (-79.60 tỷ), TCB (-49.51 tỷ), FPT (-48.38 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 0.63 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

• BSC30 -0.09%. Các mã diễn biến tích cực: VHC (+2.19%), DCM (+1.53%), POW (+0.66%).
• BSC50 -0.31%. Các mã diễn biến tích cực: NKG (+2.80%), GVR (+2.57%), TNG (+2.39%).

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.09%	-0.31%	-0.24%	-0.34%
1 tuần	-0.14%	1.89%	0.06%	-0.76%
1 tháng	3.40%	2.67%	3.03%	2.96%
3 tháng	9.91%	10.36%	6.00%	7.06%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,280.75	245.02	98.14
% 1D	-0.24%	-0.15%	-0.18%
GTGD (tỷ VND)	13,733	1,030	971
%1D	-16.78%	-25.48%	1.00%
GDNN (tỷ VND)	-762.05	0.63	-6.66

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
TPB	42.21	VHM	-304.07
DGC	27.17	MWG	-124.11
PLX	26.10	MSN	-79.60
HDG	19.42	TCB	-49.51
GMD	15.96	FPT	-48.38

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,634	1.02%	2.27%
FTSE100	8,217	0.28%	-0.30%
Eurostoxx	4,978	0.55%	-0.14%
Shanghai	2,970	1.06%	0.43%
Nikkei	42,278	1.00%	3.31%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	85.92	0.61%
Giá vàng	2,410	-0.22%
Tỷ giá		
USD/VND	25,460	-0.02%
EUR/VND	28,424	0.43%
JPY/VND	161	2.13%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	-0.07%
LS LNH 1M	4.6%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50

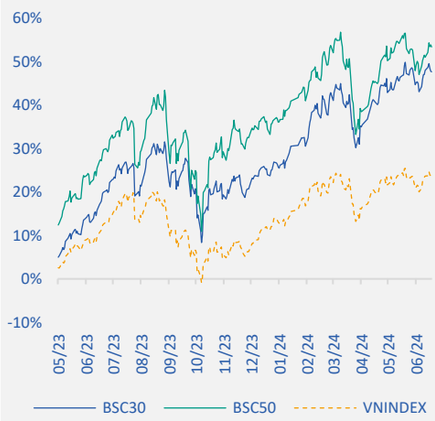

Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

Nguồn: BSC Research

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HDB	25.30	1.40%	0.81
VIC	41.10	1.23%	0.61
SSI	34.80	1.31%	0.50
VHM	38.45	0.52%	0.27
VRE	20.70	0.73%	0.14

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1303.4	-0.54%	105	118.75%	9/19/2024	69
VN30F2412	1304	-0.53%	75	63.0%	12/19/2024	160
VN30F2407	1300	-0.44%	207768	10.35%	7/18/2024	6
VN30F2408	1300	-0.54%	1164	198.46%	8/15/2024	34

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	133.00	-0.75%	-1.13
TCB	22.80	-1.51%	-0.83
VPB	19.05	-0.78%	-0.74
MSN	75.80	-1.30%	-0.74
MBB	23.10	-0.86%	-0.60

Nhận định

• VN30 -4.41 điểm, đóng cửa tại 1301.81 điểm. Biên độ dao động 13.79 điểm. Các cổ phiếu như FPT, TCB, VPB, MSN, MBB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.

• Áp lực bán phiên chiều khiến chỉ số giảm gần 11 điểm so với phiên hôm trước. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên.

• Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMBB2402	5/21/2025	313	988,900	-69.88%	2.35	2,340	42.7%	10.60	6.93	23.00	23.10
CFPT2310	8/5/2024	24	10,700	-38.43%	8.45	9,350	2.1%	15.86	82.39	133.80	133.00
CFPT2313	8/9/2024	28	45,900	-50.90%	10.00	5,570	1.8%	12.38	65.70	133.80	133.00
CFPT2314	1/9/2025	181	51,500	-47.31%	10.00	6,050	1.5%	12.40	70.50	133.80	133.00
CMWG2318	7/22/2024	10	12,400	-57.41%	4.20	3,900	1.0%	10.10	27.60	64.80	64.80
CFPT2316	7/22/2024	10	5,700	-39.91%	8.20	7,220	0.1%	12.56	80.40	133.80	133.00
CFPT2317	11/21/2024	132	60,100	-50.97%	10.10	3,700	0.0%	8.26	65.60	133.80	133.00
CPOW2315	1/6/2025	178	158,300	-69.83%	1.35	1,620	-0.6%	6.94	4.59	15.20	15.10
CTCB2309	9/25/2024	75	28,900	-31.64%	3.39	4,190	-0.9%	6.68	15.59	22.80	22.80
CVIB2306	8/23/2024	42	18,000	-66.41%	1.61	2,940	-1.0%	10.44	7.16	21.30	21.30
CTCB2310	10/9/2024	89	983,800	-29.65%	3.39	1,630	-1.2%	2.51	16.04	22.80	22.80
CTCB2307	8/5/2024	24	300	-22.24%	3.30	3,720	-1.6%	5.03	17.73	22.80	22.80
CMWG2314	1/9/2025	181	1,036,900	-64.81%	5.20	1,760	-1.7%	5.97	22.80	64.80	64.80
CHPG2342	11/21/2024	132	19,700	-63.00%	2.18	920	-2.1%	2.90	10.54	28.50	28.85
CMBB2315	1/9/2025	181	503,900	-68.69%	1.96	1,340	-2.9%	5.39	7.20	23.00	23.10
CMWG2316	8/23/2024	42	84,300	-65.74%	4.80	2,900	-3.3%	10.00	22.20	64.80	64.80
CACB2304	9/25/2024	75	117,700	-70.63%	1.93	2,030	-3.3%	8.76	7.05	24.00	24.15
CMWG2313	8/9/2024	28	14,000	-68.86%	5.00	2,530	-3.4%	9.97	20.18	64.80	64.80
CACB2306	7/22/2024	10	31,900	-69.51%	1.85	2,170	-3.6%	8.79	7.32	24.00	24.15
CMBB2318	9/23/2024	73	28,200	-67.50%	1.76	1,460	-3.9%	5.43	7.48	23.00	23.10

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

• Trong phiên giao dịch ngày 12/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

• CVIC2308 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 66.67%. CMSN2313 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.08%.

• CTCB2307, CTCB2310, CTCB2309, CFPT2310, và CFPT2316 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2310, CVNM2404, CVNM2403, CVNM2315, và CMWG2401 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	41.10	1.23%	0.48	3.82
HDB	25.30	1.40%	0.26	2.91
NAB	14.00	6.46%	0.24	1.06
HVN	34.60	1.17%	0.22	2.21
VHM	38.45	0.52%	0.22	4.35

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	88.10	-0.56%	-0.68	5.59
FPT	133.00	-0.75%	-0.36	1.46
MSN	75.80	-1.30%	-0.35	1.44
TCB	22.80	-1.51%	-0.30	3.52
VPB	19.05	-0.78%	-0.29	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	18.00	7.14%	0.47	0.51
MBS	34.90	3.87%	0.42	0.44
HUT	17.70	1.14%	0.13	0.89
DNP	20.80	5.05%	0.09	0.12
PVI	57.20	0.70%	0.07	0.23

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	14.50	-2.03%	-0.14	0.68
PVS	43.00	-0.92%	-0.14	0.48
VCS	76.00	-1.17%	-0.10	0.16
VIF	19.40	-2.02%	-0.10	0.35
IDC	61.60	-0.48%	-0.07	0.33

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CCL	10.95	6.83%	0.01	2.49
TDC	10.30	6.74%	0.02	1.35
SGR	31.10	6.69%	0.03	0.42
SFC	21.80	6.34%	0.00	0.00
TV2	37.80	6.03%	0.04	1.70

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QBS	6.26	-6.98%	0.00	0.00
DXV	5.48	-6.96%	0.00	0.02
VIP	15.15	-6.77%	-0.02	2.12
HU1	6.14	-6.69%	0.00	0.00
TPC	6.12	-5.12%	0.00	0.03

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTP	35.50	9.91%	0.49	0.63
TPP	7.90	9.72%	0.03	0.31
THS	10.90	9.00%	0.17	0.00
APS	11.40	8.57%	0.01	0.00
DTC	7.80	8.33%	0.20	2.29

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PPE	11.90	-9.85%	-0.01	0.01
SFN	20.30	-9.78%	-0.02	0.00
KDM	16.80	-9.68%	-0.05	0.05
VE8	5.60	-9.68%	0.00	0.00
HTP	6.80	-9.33%	-0.22	0.63

Hình 1
HSX-Index Intraday

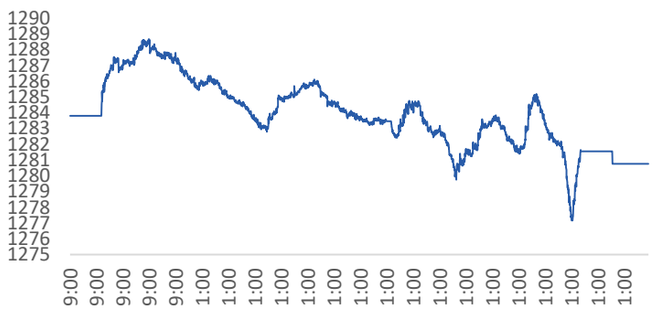

Hình 2
HNX-Index Intraday

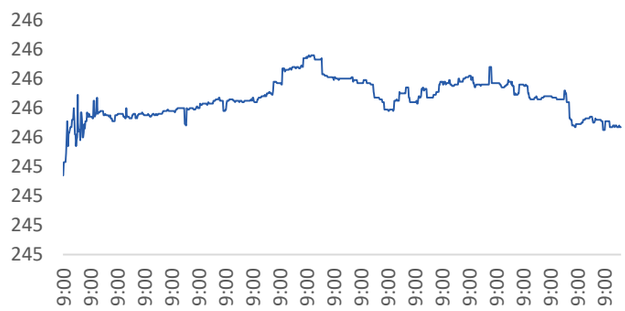

Hình 3
Giao dịch tự doanh

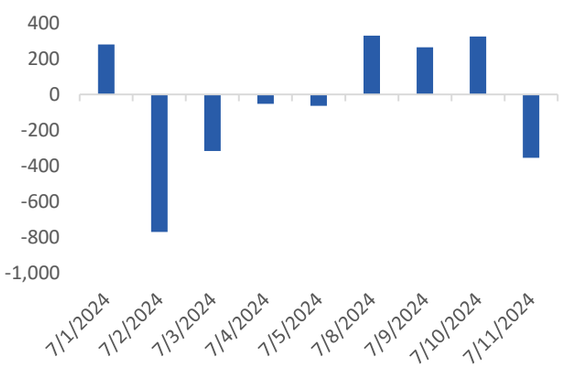

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại

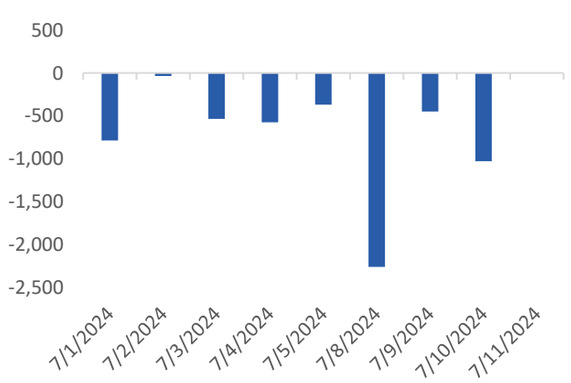

Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	87.6	-0.60%	0.6	19,264	4.7	5,838	15.0	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	46.6	-0.40%	1.1	10,452	2.6	3,841	12.1	-	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.0	-0.30%	1.0	5,931	12.0	1,397	13.6	-	26.8%	Link
TCB	Ngân hàng	22.8	0.00%	1.1	6,320	5.0	5,600	4.1	-	22.2%	Link
MBB	Ngân hàng	23.0	-0.40%	1.0	4,802	6.7	3,818	6.0	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.8	-0.30%	1.1	2,207	10.2	4,206	7.1	-	23.1%	Link
CTG	Ngân hàng	32.0	-0.60%	1.2	6,761	4.9	3,751	8.5	-	26.2%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	-0.60%	0.8	4,218	6.8	4,072	5.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	34.4	-1.00%	1.2	2,046	6.9	1,704	20.2		42.9%	Link
IDC	Xây dựng	61.2	-0.60%	1.2	795	2.2	5,880	10.4	65,700	24.2%	Link
HPG	VLXD	28.5	-1.20%	1.1	7,173	20.2	1,601	17.8	41,500	24.6%	Link
HSG	VLXD	24.9	0.20%	1.7	604	17.6	1,423	17.5	25,300	21.0%	Link
VHM	BĐS	38.5	0.10%	1.1	6,596	7.8	5,074	7.6	108,300	16.1%	Link
KDH	BĐS	38.0	-1.40%	1.4	1,195	4.1	726	52.4	44,500	39.4%	Link
NLG	BĐS	43.0	0.00%	1.4	651	3.2	1,040	41.4	-	48.2%	Link
DGC	Hóa chất	125.5	-0.60%	1.4	1,875	7.4	7,845	16.0	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	39.8	1.50%	1.3	829	8.9	2,313	17.2	38,700	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	78.0	-0.30%	0.6	7,049	3.8	4,688	16.6	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	42.7	-0.70%	1.1	803	3.8	1,992	21.4	57,000	21.0%	Link
PVD	Dầu khí	29.8	0.20%	1.3	653	2.1	1,200	24.9	38,400	16.5%	Link
POW	Dầu khí	15.2	0.70%	0.7	1,401	5.0	350	43.5	17,100	4.3%	Link
VHC	Thủy sản	74.8	2.20%	1.1	661	3.3	3,774	19.8	108,500	29.8%	Link
GMD	Logistics	84.0	0.40%	0.8	1,026	3.4	8,430	10.0	90,400	47.6%	Link
VNM	Bán lẻ	66.3	0.00%	0.7	5,452	5.4	4,408	15.0	93,100	50.0%	Link
MSN	Bán lẻ	74.8	-1.30%	1.3	4,453	13.1	215	347.3	110,000	29.0%	Link
MWG	Bán lẻ	64.8	0.00%	1.4	3,727	22.3	717	90.4	-	47.3%	Link
PNJ	Bán lẻ	97.7	0.30%	1.0	1,286	4.6	5,860	16.7	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	64.9	0.60%	1.7	427	10.0	2,200	29.5	66,600	23.9%	Link
FPT	Bán lẻ	133.8	0.60%	1.0	7,689	18.7	5,335	25.1	107,900	46.2%	Link
CTR	Hạ tầng	147.1	0.50%	1.2	662	2.2	4,582	32.1	-	10.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.2	-4.50%	0.9	2,768	8.2	3,809	6.3	1.5	17.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.3	0.00%	1.1	2,126	1.2	3,315	6.4	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.0	0.30%	1.2	1,555	3.0	2,050	8.8	1.2	28.2%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.4	0.70%	1.2	1,137	2.3	2,310	6.3	0.9	29.2%	16.0%
EIB	Ngân hàng	19.0	-1.00%	1.0	1,298	7.1	1,147	16.5	1.4	3.0%	10.1%
HCM	Chứng khoán	27.8	-1.40%	1.6	770	4.9	1,175	23.7	2.3	45.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	47.9	-0.20%	1.7	833	4.6	1,409	34.0	2.6	18.9%	7.1%
VND	Chứng khoán	16.4	-0.60%	1.5	985	4.7	2,057	8.0	1.2	13.0%	13.1%
BSI	Chứng khoán	48.4	-0.90%	1.7	425	0.6	2,208	21.9	2.0	39.8%	9.0%
SHS	Chứng khoán	17.5	-0.60%	1.7	560	2.7	1,076	16.3	1.3	9.4%	5.7%
CTD	Xây dựng	73.6	0.50%	1.2	289	2.9	2,709	27.2	0.9	46.8%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.6	-0.80%	1.5	203	1.1	833	15.1	0.6	8.2%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.5	0.00%	1.6	87	0.6	655	17.6	0.9	2.2%	4.6%
SZC	Xây dựng	40.0	-0.70%	1.2	284	0.9	1,515	26.4	2.4	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	81.4	0.00%	1.4	670	0.6	5,701	14.3	3.9	1.5%	26.9%
PHR	BĐS KCN	61.3	0.50%	1.0	327	0.7	3,448	17.8	2.2	18.4%	18.3%
DIG	BĐS	26.7	-1.30%	1.7	641	7.3	(38)	-695.5	2.2	4.2%	2.1%
CEO	BĐS	17.6	-2.20%	1.3	356	2.4	312	56.5	1.5	4.7%	2.4%
KBC	BĐS KCN	28.6	-1.00%	1.5	864	3.3	1,262	22.7	1.2	20.5%	11.7%
VGC	BĐS KCN	52.6	-0.60%	1.1	928	0.4	2,746	19.2	2.9	5.1%	12.5%
GVR	BĐS KCN	37.9	2.60%	1.4	5,965	8.0	628	60.4	3.0	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	25.7	2.80%	1.6	266	7.9	1,222	21.0	1.2	14.9%	2.3%
BMP	Vật liệu	97.5	0.10%	1.0	314	0.4	11,594	8.4	2.8	83.5%	39.1%
IJC	Hạ tầng	15.7	0.30%	1.5	233	1.7	865	18.2	1.3	4.6%	10.3%
DXG	BĐS	14.6	-1.00%	1.7	413	1.9	420	34.6	1.0	19.3%	1.1%
VRE	Bất động sản	20.8	0.20%	1.2	1,855	7.0	1,966	10.6	1.2	25.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	23.4	-1.30%	1.7	802	2.1	964	24.2	1.8	8.0%	7.2%
DIG	Bất động sản	26.7	-1.30%	1.7	641	7.3	(38)	-695.5	2.2	4.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	17.7	0.00%	1.3	622	0.8	73	242.3	1.6	1.5%	0.7%
C4G	Xây dựng	9.9	1.00%	1.4	-	0.2	433	22.9	0.9	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	39.5	-2.30%	1.7	172	1.6	4,370	9.0	1.2	4.0%	16.1%
DHC	Hóa chất	40.4	-1.50%	1.2	128	0.2	3,461	11.7	1.7	40.0%	17.2%
DRC	Cao su	35.8	-0.60%	0.8	167	1.1	2,286	15.7	2.2	13.3%	13.2%
PC1	Điện	30.8	-2.50%	1.3	377	7.6	651	47.3	1.8	10.1%	4.1%
HDG	BĐS	31.4	-1.30%	1.3	416	8.0	2,061	15.2	1.6	15.9%	12.9%
GEX	Điện	23.0	-0.90%	1.8	771	6.6	625	36.8	1.6	8.9%	4.1%
QTP	Điện	16.5	0.00%	0.5	-	0.1	1,549	10.7	1.4	1.3%	10.8%
PLX	O&G	46.3	-1.10%	1.0	2,315	3.3	2,570	18.0	2.2	17.7%	10.7%
BSR	O&G	23.9	2.10%	1.2	-	10.0	2,588	9.2	1.3	0.7%	15.6%
PLC	O&G	27.4	-0.40%	1.5	87	0.2	1,112	24.7	1.7	0.3%	8.4%
ANV	Thủy sản	36.0	2.00%	1.4	188	7.5	(252)	-142.4	1.7	0.8%	1.5%
PTB	Gỗ	70.5	-1.90%	0.6	186	0.4	4,765	14.8	1.7	24.9%	10.6%
VSC	Logistics	21.6	-0.70%	1.3	227	2.9	532	40.6	2.0	2.8%	6.2%
HAH	Logistics	44.8	0.80%	1.2	214	6.0	3,081	14.6	1.8	11.2%	12.1%
VTP	Logistics	87.9	-1.80%	1.5	421	2.7	2,980	29.5	6.6	7.4%	25.6%
DBC	Logistics	34.0	-1.60%	1.7	324	13.3	1,729	19.7	1.7	11.8%	0.5%
FRT	Bán lẻ	175.5	-2.00%	0.7	941	4.2	(2,215)	-79.2	14.2	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.5	0.20%	0.6	-	0.9	6,737	7.3	2.0	15.1%	27.3%
TNG	Dệt may	25.6	-5.50%	1.2	114	2.9	1,981	12.9	1.6	18.9%	12.5%
PVT	O&G	29.8	-1.30%	1.0	417	5.2	3,150	9.5	1.3	14.2%	14.3%
DPM	Phân bón	37.4	0.30%	1.3	577	3.0	1,372	27.3	1.3	8.5%	4.2%
REE	Tiện ích	71.1	-0.60%	1.0	1,315	3.2	4,706	15.1	1.7	49.0%	13.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

http://www.bsc.com.vn

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639